

TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ
TÂN SƠN NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Về việc: “Cung cấp dịch vụ quan trắc chất lượng nước sạch, nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung năm 2026”

Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP tổ chức mời chào giá rộng rãi hạng mục “Cung cấp dịch vụ quan trắc chất lượng nước sạch, nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung năm 2026”.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu và gửi Hồ sơ chào giá theo các yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu về hồ sơ chào giá:

✓ **Yêu cầu đối với dịch vụ:**

Chi tiết theo phụ lục đính kèm

✓ **Yêu cầu đối với đơn vị cung cấp dịch vụ:**

a. Yêu cầu chung:

- Có quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp, trong đó có hoạt động quan trắc môi trường.
- Có kinh nghiệm trong hoạt động thử nghiệm, quan trắc môi trường tối thiểu 5 năm tính từ thời điểm điểm đóng thầu.
- Có trụ sở chính hoặc chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và có Phòng thí nghiệm tại Thành phố Hồ Chí Minh (Cung cấp hồ sơ chứng minh).

b. Yêu cầu chi tiết: Đơn vị thực hiện phải có:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường còn hiệu lực tối thiểu tới ngày 31/12/2026. Trong giấy chứng nhận phải có các lĩnh vực/phương pháp tương ứng nước thải, khí thải/không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung. Trường hợp có sử dụng nhà thầu phụ phải cung cấp hồ sơ năng lực của nhà thầu phụ.
- Chứng chỉ công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 do Văn phòng công nhận chất lượng (BoA) hoặc Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù

hợp về tiêu chuẩn chất lượng (AOSC) cấp còn hiệu lực tối thiểu tới ngày 31/12/2026 (Lĩnh vực công nhận: hoá/sinh). Trường hợp có sử dụng nhà thầu phụ và không được lớn hơn 10% tổng các thông số. (Cung cấp Hồ sơ chứng minh).

c. Yêu cầu khác:

- Cam kết nhân viên phải được đào tạo nghiệp vụ, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và an toàn lao động cho người thực hiện trực tiếp thực hiện.
- Cam kết đảm bảo các thiết bị được hiệu chuẩn định kỳ theo quy định trước khi ra hiện trường.
- Cam kết tuyệt đối chấp hành nghiêm tất cả các yêu cầu về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy trong quá trình làm việc tại Cảng. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trong bất cứ sự cố, tai nạn nào liên quan đến quá trình lấy mẫu, vận chuyển mẫu, bảo quản mẫu.

✓ **Yêu cầu về thời gian thực hiện và thanh toán:**

- Thời gian thực hiện: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2026, tại Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Giá chào: đề nghị chào giá hàng hóa trọn gói, đã bao gồm toàn bộ chi phí, thuế GTGT. Đồng tiền chào giá, thanh toán: VNĐ.
- Thanh toán: Đề nghị chào giá chi tiết phương thức thanh toán. Điều kiện tạm ứng không chấp nhận > 20% giá trị hợp đồng.

✓ **Thành phần hồ sơ chào giá:** báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- Đơn chào hàng theo Mẫu 01;
- Biểu giá theo Mẫu 02a, 02b;
- Các nội dung cần thiết khác:
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh còn hiệu lực.

✓ **Thời hạn hiệu lực của hồ sơ chào giá:**

- Hiệu lực hồ sơ chào giá: 30 ngày kể từ ngày 23/12/2025.
- Hồ sơ chào giá phải được ký bởi đại diện có thẩm quyền cơ quan, đơn vị và đóng dấu. Số lượng hồ sơ chào giá: 01 bản gốc và 02 bản chụp.

2. Thời hạn, địa điểm gửi hồ sơ chào giá:

- Thời hạn gửi hồ sơ chào giá: trước 10 giờ 00 ngày 23/12/2025.
- Phương thức gửi hồ sơ chào giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ nhận hồ sơ chào giá.

- Địa điểm nhận hồ sơ chào giá:

- o Địa chỉ: Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P.114) - Văn phòng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Thông tin liên hệ:

- Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.
- Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P.114)
- Tel: 083.8485.383- Ext: 3406.
- Người liên hệ: Phạm Văn Chiến

4. Yêu cầu đối với nhà cung cấp:

- Có đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động hợp pháp.
- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP. *Thu*

Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư

GIÁM ĐỐC



Đặng Ngọc Cường

3525
CẢNG
HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ
TÂN SƠN NHẤT
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM - CTCP
HỒ CHÍ MINH

BIỂU MẪU**Mẫu số 01****ĐƠN CHÀO HÀNG**

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên hạng mục mua sắm: _____ [Ghi tên hạng mục mua sắm theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện hạng mục mua sắm _____ [Ghi tên hạng mục mua sắm] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hạng mục mua sắm].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong quá trình chào hàng.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong khi tham dự hạng mục này.
5. Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện cung cấp hàng hóa theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm nộp hồ sơ chào giá].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (chưa VAT)	Thành tiền (chưa VAT) (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
						
n	Hàng hoá thứ n					Mn
VAT 10%						
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						M=M1+M2 +...+Mn

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

3116
ANG K
TÂN
INH HÁ
CẢNG
VIỆT
TH PH

PHỤ LỤC

Chi tiết các nội dung thực hiện quan trắc chất lượng môi trường nước cấp, nước mặt, nước thải, bùn thải, khí thải, đất, không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung năm 2026.

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
A. LẤY MẪU QUAN TRẮC THÁNG 3			
I/ NƯỚC SẠCH			
Tại 05 vị trí: Hồ chứa nước thô (tại Central Plant), nhà ga quốc tế. Khu vực trong nhà ga Quốc nội T1. Khu vực trong nhà ga Quốc nội T1 Khu vực trong nhà ga Quốc nội T3. Khu vực trong nhà ga Quốc nội T3.			
1	Màu (*)	Mẫu	5
2	Mùi (s/c)	Mẫu	5
3	Độ đục (*)	Mẫu	5
4	Độ pH (*)	Mẫu	5
5	Độ cứng (theo CaCO ₃) (*)	Mẫu	5
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (*)	Mẫu	5
7	Clorua (Cl ⁻) (*)	Mẫu	5
8	Sắt (Fe) (*)	Mẫu	5
9	Mangan (Mn) (*)	Mẫu	5
10	Nitrat (NO ₃ ⁻) (*)	Mẫu	5
11	Nitrit (NO ₂) (*)	Mẫu	5
12	Sunphat (SO ₄ ²⁻) (*)	Mẫu	5
13	Độ oxy hoá (Permanganate in) (*)	Mẫu	5
14	E. Coli (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	5
15	Coliforms (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	5
Tại 10 vị trí: Cầu dẫn khách số 18 Cầu dẫn khách số 17 Cầu dẫn khách số 16 Cầu dẫn khách số 15 Cầu dẫn khách số 14 Cầu dẫn khách số 13 Cầu dẫn khách số 12 Cầu dẫn khách số 11 Cầu dẫn khách số 10			

Cầu dẫn khách số 09			
1	Màu (*)	Mẫu	10
2	Mùi (s/c)	Mẫu	10
3	Độ đục (*)	Mẫu	10
4	Độ pH (*)	Mẫu	10
5	Độ cứng (theo CaCO_3) (*)	Mẫu	10
6	Amoni (NH_4^+) (*)	Mẫu	10
7	Clorua (Cl^-) (*)	Mẫu	10
8	Sắt (Fe) (*)	Mẫu	10
9	Mangan (Mn) (*)	Mẫu	10
10	Nitrat (NO_3^-) (*)	Mẫu	10
11	Nitrit (NO_2^-) (*)	Mẫu	10
12	Sunphat (SO_4^{2-}) (*)	Mẫu	10
13	Độ oxy hoá (Permanganate in) (*)	Mẫu	10
14	Độ dẫn điện (*) (S/C)	Mẫu	10
15	Clo dư (*) (Phân tích trong vòng 2-3 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
16	TSVSV hiếu khí ở 22 độ C (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
17	TSVSV hiếu khí ở 37 độ C (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
18	E. Coli (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
19	Coliforms (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
20	Liên cầu phân (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
21	Pseudomonas aeruginosa (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
22	Bào tử VK kỵ khí sinh H_2S (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
Phí phụ thu (dịch sang tiếng anh)		Đợt	1
II/ NƯỚC THẢI (tại 4 vị trí:)			
Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc tế - Cảng HKQT TSN			
Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc tế - Cảng HKQT TSN			
Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc nội T3 - Cảng HKQT TSN			
Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc nội T3- Cảng HKQT TSN			
1	pH	Mẫu	4
2	TSS	Mẫu	4
3	BOD ₅	Mẫu	4
4	TDS	Mẫu	4

5	Sunfua	Mẫu	4
6	NH ₄ ⁺	Mẫu	4
7	NO ₃ ⁻	Mẫu	4
8	PO ₄ ³⁻	Mẫu	4
9	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	4
10	Chất hoạt động bề mặt	Mẫu	4
11	Coliforms	Mẫu	4

III/ KHÍ THẢI

Tại 01 vị trí: khí thải tại ống thoát khí của tháp xử lý mùi tại nhà ga quốc nội T3- Cảng HKQTTSN

1	Lưu lượng	Mẫu	1
2	Metyl mercaptan CH ₃ SH	Mẫu	1
3	Hydro sunfua H ₂ S	Mẫu	1
4	Amoniac NH ₃	Mẫu	1

IV/ PHÍ NHÂN CÔNG LẤY MẪU

Phí lấy mẫu và bảo quản mẫu	Lần	2
Phí vận chuyển	Lần	2

B. LẤY MẪU QUAN TRẮC THÁNG 6

I/ NƯỚC CẤP

Tại 05 vị trí:

Hồ chứa nước thô (tại Central Plant), nhà ga quốc tế.

Khu vực trong nhà ga Quốc nội T1.

Khu vực trong nhà ga Quốc nội T1

Khu vực trong nhà ga Quốc nội T3.

Khu vực trong nhà ga Quốc nội T3.

1	Màu (*)	Mẫu	5
2	Mùi (s/c)	Mẫu	5
3	Độ đục (*)	Mẫu	5
4	Độ pH (*)	Mẫu	5
5	Độ cứng (theo CaCO ₃) (*)	Mẫu	5
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (*)	Mẫu	5
7	Clorua (Cl ⁻) (*)	Mẫu	5
8	Sắt (Fe) (*)	Mẫu	5
9	Mangan (Mn) (*)	Mẫu	5
10	Nitrat (NO ₃ ⁻) (*)	Mẫu	5
11	Nitrit (NO ₂) (*)	Mẫu	5
12	Sunphat (SO ₄ ²⁻) (*)	Mẫu	5
13	Độ oxy hoá (Permanganate in) (*)	Mẫu	5
14	E. Coli (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	5



15	Coliforms (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	5
Tại 10 vị trí: Cầu dẫn khách số 18 Cầu dẫn khách số 17 Cầu dẫn khách số 16 Cầu dẫn khách số 15 Cầu dẫn khách số 14 Cầu dẫn khách số 13 Cầu dẫn khách số 12 Cầu dẫn khách số 11 Cầu dẫn khách số 10 Cầu dẫn khách số 09			
1	Màu (*)	Mẫu	10
2	Mùi (s/c)	Mẫu	10
3	Độ đục (*)	Mẫu	10
4	Độ pH (*)	Mẫu	10
5	Độ cứng (theo CaCO ₃) (*)	Mẫu	10
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (*)	Mẫu	10
7	Clorua (Cl ⁻) (*)	Mẫu	10
8	Sắt (Fe) (*)	Mẫu	10
9	Mangan (Mn) (*)	Mẫu	10
10	Nitrat (NO ₃ ⁻) (*)	Mẫu	10
11	Nitrit (NO ₂ ⁻) (*)	Mẫu	10
12	Sunphat (SO ₄ ²⁻) (*)	Mẫu	10
13	Độ oxy hoá (Permanganate in) (*)	Mẫu	10
14	Độ dẫn điện (*) (S/C)	Mẫu	10
15	Clo dư (*) (Phân tích trong vòng 2-3 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
16	TSVSV hiếu khí ở 22 độ C (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
17	TSVSV hiếu khí ở 37 độ C (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
18	E. Coli (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
19	Coliforms (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
20	Liên cầu phân (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
21	Pseudomonas aeruginosa (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10

22	Bào tử VK kỵ khí sinh H ₂ S (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
Phí phụ thu (dịch sang tiếng anh)		Đợt	1
II/ NƯỚC THẢI (16 VỊ TRÍ)			
Tại hố thu nước thải số 1 ga Quốc nội T1- Cảng HKQT TSN (TSS, BOD5, AMONI)			
Tại hố thu nước thải số 2 ga Quốc nội T1 - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD5, AMONI)			
Tại hố thu nước thải số 3 ga Quốc nội T1 - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD5, AMONI)			
Tại hố thu nước thải số 4ga Quốc nội T1 - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD5, AMONI)			
Tại hố thu nước thải A ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD5, AMONI)			
Tại hố thu nước thải B ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD5, AMONI)			
Tại hố thu nước thải C ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD5, AMONI)			
Tại hố thu nước thải D ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD5, AMONI)			
Tại hố thu nước thải E ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD5, AMONI)			
Tại hố thu nước thải của nhà để xe TCP- Công ty TCP (TSS, BOD5, AMONI)			
Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc tế - Cảng HKQT TSN			
Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc tế - Cảng HKQT TSN			
Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc nội T3- Cảng HKQT TSN			
Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc nội T3 - Cảng HKQT TSN			
Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải của Toà nhà tổng công ty cảng HKVN-CTCP			
Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải của Toà nhà tổng công ty cảng HKVN-CTCP			
1	pH	Mẫu	6
2	TSS	Mẫu	16
3	BOD ₅	Mẫu	16
4	TDS	Mẫu	6
5	Sunfua	Mẫu	6
6	NH ₄ ⁺	Mẫu	16
7	NO ₃ ⁻	Mẫu	6
8	PO ₄ ³⁻	Mẫu	6
9	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	6
10	Chất hoạt động bề mặt	Mẫu	6
11	Coliforms	Mẫu	6
III/ KHÍ THẢI/KHÔNG KHÍ XUNG QUANH			
Vị trí 1: Khí thải/KKXQ khu vực máy phát điện của Toà nhà tổng công ty cảng HKVN-CTCP.			
1	NO _x	Mẫu	1
2	SO ₂	Mẫu	1
3	CO ₂	Mẫu	1
4	CO	Mẫu	1
5	Bụi ^{s/c}	Mẫu	1
Vị trí 2: Khí thải tại ống thoát khí của tháp xử lý mùi tại nhà ga quốc nội T3- Cảng HKQTTSN			
1	Lưu lượng	Mẫu	1
2	Metyl mercaptan CH ₃ SH	Mẫu	1
3	Hydro sunfua H ₂ S	Mẫu	1
4	Amoniac NH ₃	Mẫu	1

IV/ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG (09 vị trí)			
Sát nhà dân cách máy phát điện 8m của Toà nhà tổng công ty cảng HKVN-CTCP			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 01 tại nhà ga quốc nội T1 -Cảng HKQTTSN			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 02 tại nhà ga quốc nội T1-Cảng HKQTTSN			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 01 tại nhà ga quốc tế - Cảng HKQTTSN			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 02 tại nhà ga quốc tế- Cảng HKQTTSN			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 03 tại nhà ga quốc tế - Cảng HKQTTSN			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 04 tại nhà ga quốc tế - Cảng HKQTTSN			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 01 tại đài chỉ huy cũ - Cảng HKQTTSN			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 02 tại đài chỉ huy cũ - Cảng HKQTTSN			
1	Độ rung	Mẫu	9
2	Tiếng ồn	Mẫu	9
V/ PHÍ NHÂN CÔNG LẤY MẪU			
Phí lấy mẫu và bảo quản mẫu		Lần	2
Phí vận chuyển		Lần	2
C. LẤY MẪU QUAN TRẮC THÁNG 9			
I/ NƯỚC CẤP			
Tại 05 vị trí:			
Hồ chứa nước thô (tại Central Plant), nhà ga quốc tế.			
Khu vực trong nhà ga Quốc nội T1.			
Khu vực trong nhà ga Quốc nội T1			
Khu vực trong nhà ga Quốc nội T3.			
Khu vực trong nhà ga Quốc nội T3.			
1	Màu (*)	Mẫu	5
2	Mùi (s/c)	Mẫu	5
3	Độ đục (*)	Mẫu	5
4	Độ pH (*)	Mẫu	5
5	Độ cứng (theo CaCO ₃) (*)	Mẫu	5
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (*)	Mẫu	5
7	Clorua (Cl ⁻) (*)	Mẫu	5
8	Sắt (Fe) (*)	Mẫu	5
9	Mangan (Mn) (*)	Mẫu	5
10	Nitrat (NO ₃ ⁻) (*)	Mẫu	5
11	Nitrit (NO ₂) (*)	Mẫu	5
12	Sunphat (SO ₄ ²⁻) (*)	Mẫu	5
13	Độ oxy hoá (Permanganate in) (*)	Mẫu	5
14	E. Coli (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	5
15	Coliforms (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	5
Tại 10 vị trí:			
Cầu dẫn khách số 18			
Cầu dẫn khách số 17			

525
NG
IG QU
N NH
ÔNG
NG K
M - C
HỒ

Cầu dẫn khách số 16			
Cầu dẫn khách số 15			
Cầu dẫn khách số 14			
Cầu dẫn khách số 13			
Cầu dẫn khách số 12			
Cầu dẫn khách số 11			
Cầu dẫn khách số 10			
Cầu dẫn khách số 09			
1	Màu (*)	Mẫu	10
2	Mùi (s/c)	Mẫu	10
3	Độ đục (*)	Mẫu	10
4	Độ pH (*)	Mẫu	10
5	Độ cứng (theo CaCO_3) (*)	Mẫu	10
6	Amoni (NH_4^+) (*)	Mẫu	10
7	Clorua (Cl^-) (*)	Mẫu	10
8	Sắt (Fe) (*)	Mẫu	10
9	Mangan (Mn) (*)	Mẫu	10
10	Nitrat (NO_3^-) (*)	Mẫu	10
11	Nitrit (NO_2^-) (*)	Mẫu	10
12	Sunphat (SO_4^{2-}) (*)	Mẫu	10
13	Độ oxy hoá (Permanganate in) (*)	Mẫu	10
14	Độ dẫn điện (*) (S/C)	Mẫu	10
15	Clo dư (*) (Phân tích trong vòng 2-3 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
16	TSVSV hiếu khí ở 22 độ C (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
17	TSVSV hiếu khí ở 37 độ C (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
18	E. Coli (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
19	Coliforms (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
20	Liên cầu phân (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
21	Pseudomonas aeruginosa (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
22	Bào tử VK kỵ khí sinh H_2S (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
Phí phụ thu (dịch sang tiếng anh)		Đợt	1
II/ NƯỚC THẢI (04vị trí)			

Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc tế - Cảng HKQT TSN			
Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc tế - Cảng HKQT TSN			
Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc nội T3 - Cảng HKQT TSN			
Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc nội T3- Cảng HKQT TSN			
1	pH	Mẫu	4
2	TSS	Mẫu	4
3	BOD ₅	Mẫu	4
4	TDS	Mẫu	4
5	Sunfua	Mẫu	4
6	NH ₄ ⁺	Mẫu	4
7	NO ₃ ⁻	Mẫu	4
8	PO ₄ ³⁻	Mẫu	4
9	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	4
10	Chất hoạt động bề mặt	Mẫu	4
11	Coliforms	Mẫu	4
III/ KHÍ THẢI (s/c)			
tại 01 vị trí: khí thải tại ống thoát khí của tháp xử lý mùi tại nhà ga quốc nội T3- Cảng HKQT TSN			
1	Lưu lượng	Mẫu	1
2	Metyl mercaptan CH ₃ SH	Mẫu	1
3	Hydro sunfua H ₂ S	Mẫu	1
4	Amoniac NH ₃	Mẫu	1
IV/ PHÍ NHÂN CÔNG LẤY MẪU			
Phí lấy mẫu và bảo quản mẫu		Lần	2
Phí vận chuyển		Lần	2
D. LẤY MẪU QUAN TRẮC THÁNG 12			
I/ NƯỚC CẤP			
Tại 05 vị trí:			
Hồ chứa nước thô (tại Central Plant), nhà ga quốc tế.			
Khu vực trong nhà ga Quốc nội T1.			
Khu vực trong nhà ga Quốc nội T1			
Khu vực trong nhà ga Quốc nội T3.			
Khu vực trong nhà ga Quốc nội T3.			
1	Màu (*)	Mẫu	5
2	Mùi (s/c)	Mẫu	5
3	Độ đục (*)	Mẫu	5
4	Độ pH (*)	Mẫu	5
5	Độ cứng (theo CaCO ₃) (*)	Mẫu	5
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (*)	Mẫu	5
7	Clorua (Cl ⁻) (*)	Mẫu	5
8	Sắt (Fe) (*)	Mẫu	5

9	Mangan (Mn) (*)	Mẫu	5
10	Nitrat (NO ₃ ⁻) (*)	Mẫu	5
11	Nitrit (NO ₂ ⁻) (*)	Mẫu	5
12	Sunphat (SO ₄ ²⁻) (*)	Mẫu	5
13	Độ oxy hoá (Permanganate in) (*)	Mẫu	5
14	E. Coli (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	5
15	Coliforms (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	5

Tại 10 vị trí:

Cầu dẫn khách số 18

Cầu dẫn khách số 17

Cầu dẫn khách số 16

Cầu dẫn khách số 15

Cầu dẫn khách số 14

Cầu dẫn khách số 13

Cầu dẫn khách số 12

Cầu dẫn khách số 11

Cầu dẫn khách số 10

Cầu dẫn khách số 09

1	Màu (*)	Mẫu	10
2	Mùi (s/c)	Mẫu	10
3	Độ đục (*)	Mẫu	10
4	Độ pH (*)	Mẫu	10
5	Độ cứng (theo CaCO ₃) (*)	Mẫu	10
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (*)	Mẫu	10
7	Clorua (Cl ⁻) (*)	Mẫu	10
8	Sắt (Fe) (*)	Mẫu	10
9	Mangan (Mn) (*)	Mẫu	10
10	Nitrat (NO ₃ ⁻) (*)	Mẫu	10
11	Nitrit (NO ₂ ⁻) (*)	Mẫu	10
12	Sunphat (SO ₄ ²⁻) (*)	Mẫu	10
13	Độ oxy hoá (Permanganate in) (*)	Mẫu	10
14	Độ dẫn điện (*) (S/C)	Mẫu	10
15	Clo dư (*) (Phân tích trong vòng 2-3 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
16	TSVSV hiếu khí ở 22 độ C (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
17	TSVSV hiếu khí ở 37 độ C (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10

18	E. Coli (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
19	Coliforms (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
20	Liên cầu phân (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
21	Pseudomonas aeruginosa (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
22	Bào tử VK kỵ khí sinh H ₂ S (*) (Phân tích 2-4 giờ sau khi lấy mẫu)	Mẫu	10
Phí phụ thu (dịch sang tiếng anh)		Đợt	1

II/ NƯỚC THẢI (16 vị trí)

Tại hồ thu nước thải số 1 ga Quốc nội T1- Cảng HKQT TSN (TSS, BOD₅, AMONI)
 Tại hồ thu nước thải số 2 ga Quốc nội T1 - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD₅, AMONI)
 Tại hồ thu nước thải số 3 ga Quốc nội T1 - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD₅, AMONI)
 Tại hồ thu nước thải số 4 ga Quốc nội T1 - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD₅, AMONI)
 Tại hồ thu nước thải A ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD₅, AMONI)
 Tại hồ thu nước thải B ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD₅, AMONI)
 Tại hồ thu nước thải C ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD₅, AMONI)
 Tại hồ thu nước thải D ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD₅, AMONI)
 Tại hồ thu nước thải E ga Quốc tế - Cảng HKQT TSN (TSS, BOD₅, AMONI)
 Tại hồ thu nước thải của nhà để xe TCP- Công ty TCP (TSS, BOD₅, AMONI)
 Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc tế - Cảng HKQT TSN
 Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc tế - Cảng HKQT TSN
 Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc nội T3- Cảng HKQT TSN
 Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc nội T3 - Cảng HKQT TSN
 Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải của Toà nhà tổng công ty cảng HKVN-CTCP
 Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải của Toà nhà tổng công ty cảng HKVN-CTCP

1	pH	Mẫu	6
2	TSS	Mẫu	16
3	BOD ₅	Mẫu	16
4	TDS	Mẫu	6
5	Sunfua	Mẫu	6
6	NH ₄ ⁺	Mẫu	16
7	NO ₃ ⁻	Mẫu	6
8	PO ₄ ³⁻	Mẫu	6
9	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	6
10	Chất hoạt động bề mặt	Mẫu	6
11	Coliforms	Mẫu	6

III/ KHÍ THẢI/KHÔNG KHÍ XUNG QUANH

Vị trí 1: Khí thải/KKXQ khu vực máy phát điện của Toà nhà tổng công ty cảng HKVN-CTCP.

1	NO _x	Mẫu	1
---	-----------------	-----	---

2	SO ₂	Mẫu	1
3	CO ₂	Mẫu	1
4	CO	Mẫu	1
5	Bụi	Mẫu	1
Vị trí 2: Khí thải tại ống thoát khí của tháp xử lý mùi tại nhà ga quốc nội T3- Cảng HKQTTSN			
1	Lưu lượng	Mẫu	1
2	Metyl mercaptan CH ₃ SH	Mẫu	1
3	Hydro sunfua H ₂ S	Mẫu	1
4	Amoniac NH ₃	Mẫu	1
IV/ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG (09 vị trí)			
Sát nhà dân cách máy phát điện 8m của Toà nhà tổng công ty cảng HKVN-CTCP			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 01 tại nhà ga quốc nội T1 -Cảng HKQTTSN			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 02 tại nhà ga quốc nội T1-Cảng HKQTTSN			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 01 tại nhà ga quốc tế - Cảng HKQTTSN			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 02 tại nhà ga quốc tế- Cảng HKQTTSN			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 03 tại nhà ga quốc tế - Cảng HKQTTSN			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 04 tại nhà ga quốc tế - Cảng HKQTTSN			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 01 tại đài chỉ huy cũ - Cảng HKQTTSN			
Khu vực máy phát điện dự phòng số 02 tại đài chỉ huy cũ - Cảng HKQTTSN			
1	Độ rung	Mẫu	9
2	Tiếng ồn	Mẫu	9
V/ PHÍ NHÂN CÔNG LẤY MẪU			
Phí lấy mẫu và bảo quản mẫu		Lần	2
Phí vận chuyển		Lần	2
E. CHI PHÍ KIỂM NGHIỆM MẪU NƯỚC THẢI HÀNG THÁNG (02 vị trí)			
Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc tế - Cảng HKQT TSN tháng 4, 5, 7, 8, 10, 11.			
Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải nhà ga quốc nội T3 - Cảng HKQT TSN tháng 4, 5, 7, 8, 10, 11.			
1	NH ₄ ⁺	Mẫu	12
2	NO ₃ ⁻	Mẫu	12
II/ PHÍ NHÂN CÔNG LẤY MẪU			
Phí lấy mẫu và bảo quản mẫu		Lần	6
Phí vận chuyển		Lần	6
F. CHI PHÍ DỰ PHÒNG			
1	Chi phí dự phòng 2% tổng chi phí năm 2026	TRỌN NĂM	1

GHI CHÚ:

- Đối với cả các chỉ số vi sinh và clo dư trong nước cấp phải được phân tích trong vòng 2-4 giờ sau khi lấy mẫu.
- Chi phí dự phòng năm 2026: 2%. Trong trường hợp lấy mẫu quan trắc trong tháng 3, tháng 6, tháng 9 hoặc tháng 12 có thông số nào không đạt thì phải thực hiện lấy mẫu lại (sau khi đã ra soát, hiệu chỉnh lại hệ thống vận hành).
- Phí phụ thu: Phí dịch các kết quả sang tiếng anh.

